TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự;
Ông Phan Công Điện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị H, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- *Bị đơn*: Trần Văn T, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp 6, xã H, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trần Văn T tự nguyện sống chung vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn nhiều lần đánh đập nguyên đơn và do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2013; Trần Ngọc H2, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2014. Hiện đều do nguyên đơn nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Không có.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung mà không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 27 tháng 3 năm 2019 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, thủ tục kết hôn và về con chung là đúng; về nguyên nhân mâu thuẫn, thừa nhận cũng có một vài lần đánh nguyên đơn, nhưng mâu thuẫn này không lớn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn; về con chung: Nếu phải ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc H1, đồng ý giao cháu Trần Ngọc H2 cho nguyên đơn nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, bị đơn cũng thừa nhận có một vài lần đánh nguyên đơn, chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm quyền của người vợ trong cuộc sống hôn nhân. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng minh các đương sự đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của người vợ, người chồng trong việc yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; phía bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng lại không thể hiện nguyện vọng mong muốn đoàn tụ mà phó thác cho quyết định của nguyên đơn nếu muốn ly hôn thì bị đơn cũng chấp nhận, điều này cũng đã chứng minh phía bị đơn không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án và Hội đồng xét xử phân tích, động viên các đương sự xóa bỏ mâu thuẫn để đoàn tụ, nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy cũng đã có căn cứ xác định hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Xét các cháu Trần Ngọc H1 và Trần Ngọc H2 là nữ nên về tâm sinh lý sống chung với người mẹ sẽ phù hợp hơn, đồng thời đã được nguyên đơn nuôi dưỡng từ lúc các đương sự ly thân đến nay, cuộc sống của các cháu đã dần ổn định và có tình cảm khắng khít với nhau nên nếu chấp nhận yêu cầu của bị đơn thì vô hình chung sẽ chia cắt tình cảm của các cháu; hơn nữa, phía bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mình có điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao các cháu Trần Ngọc H1 và Trần Ngọc H2 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự cùng cho rằng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là: Trần Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2013; Trần Ngọc H2, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2014. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017069 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Hòa Mỹ, H. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng